

Số: /QĐ-ĐHTTr

Tuyên Quang, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Hỗ trợ chi phí học tập Học kỳ II năm học 2024 - 2025
đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 35/2014/TTLT-BGD&ĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 361/NQ-HĐTĐHTTr ngày 29/4/2022 của Hội đồng trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 613/NQ-HĐTĐHTT ngày 18/8/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 719/NQ-HĐTĐHTT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-ĐHTTr ngày 07/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy định Công tác sinh viên của Trường Đại học Tân Trào;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Hỗ trợ chi phí học tập Học kỳ II năm học 2024 - 2025 đối với các sinh viên hệ đào tạo chính quy có tên trong danh sách kèm theo là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Điều 2. Thời gian và mức hỗ trợ chi phí học tập cho các sinh viên được thực hiện theo Thông tư Liên tịch số 35/2014/TTLT-BGD&ĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ, Trưởng phòng Quản lý sinh viên, trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách nói tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường;
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Như Điều 1, 3 (t/h);
- Lưu: VT, QLSV (Hoài Anh).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Phạm Duy Hưng

DANH SÁCH

**Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo
được hưởng Hỗ trợ chi phí học tập Học kỳ II năm học 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-DHTTr ngày /4/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Khóa
1	2152010020	Ma Thị Minh Hương	02/01/2003	Tày	GDMN A	2021-2025
2	2152010040	Ma Thị Thúy	23/01/2003	Tày	GDMN A	2021-2025
3	2152010090	Quan Thị Nga	24/08/2003	Dao	GDMN B	2021-2025
4	2152010084	Ma Thị Thuý Kiều	12/10/2003	Tày	GDMN B	2021-2025
5	2152010079	Triệu Thị Hoài	03/05/2003	Dao	GDMN B	2021-2025
6	2152010141	Long Thị Nguyên	14/04/2003	La Chí	GFDMN C	2021-2025
7	2152010136	Nguyễn Thị Loan	13/08/2003	Tày	GFDMN C	2021-2025
8	2152010121	Giàng Thị Dung	03/12/2003	Mông	GFDMN C	2021-2025
9	2152010135	Khoàng Thị Kim	03/04/2003	Thái	GFDMN C	2021-2025
10	2252010015	Hoàng Thu Huyền	26/04/2004	Tày	GDMN A	2022-2026
11	2252010037	Ma Thị Thu Duyên	07/12/2001	Tày	GDMN A	2022-2026
12	2252010042	Tài Thị Hường	18/10/2003	Nùng	GDMN A	2022-2026
13	2252010006	Mã Thị Dung	28/02/2004	Giáy	GDMN A	2022-2026
14	2252010033	Giàng Thị Bầu	16/06/2004	Mông	GDMN A	2022-2026
15	2252010040	Nông Thị Thu Hiền	27/03/2004	Tày	GDMN A	2022-2026
16	2252010031	Lò Xé Xó	20/04/2004	Hà Nhì	GDMN A	2022-2026
17	2252010076	Pờ Giá Lan	02/02/2004	Hà Nhì	GDMN B	2022-2026
18	2252010062	Vàng Thị Đào	15/03/2004	Thái	GDMN B	2022-2026
19	2252010107	Giàng Thị Xuân	18/08/2004	Mông	GDMN B	2022-2026
20	2252010093	Lù Thị Phúc	17/09/2003	Thái	GDMN B	2022-2026
21	2252010106	Sùng Ly Xó	20/03/2004	Hà Nhì	GDMN B	2022-2026
22	2252010071	Hoàng Thị Trầm Hương	30/08/2004	Nùng	GDMN B	2022-2026
23	2252010081	Đặng Thị Mai	29/10/2004	Dao	GDMN B	2022-2026
24	2352010007	Vàng Thị Danh	23/05/2005	Mông	GDMN A	2023-2027
25	2352010008	Chang Phí De	08/10/2005	Hà Nhì	GDMN A	2023-2027
26	2352010009	Khoàng Pờ De	26/11/2005	Hà nhì	GDMN A	2023-2027
27	2352010010	Âu Thị Phương Diễm	13/12/2004	Cao Lan	GDMN A	2023-2027
28	2352010058	Hờ Thị Dinh	09/10/2005	Mông	GDMN A	2023-2027

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Khóa
29	2352010020	Lường Thị Hiệp	17/05/2003	Thái	GDMN A	2023-2027
30	2352010024	Phan Thị Huyền	18/07/2004	Tày	GDMN A	2023-2027
31	2352010032	Dương Thị Diệu Linh	19/04/2005	Tày	GDMN A	2023-2027
32	2352010035	Lý Thị Lý	19/07/2005	Mông	GDMN A	2023-2027
33	2352010047	Lường Thị Thơm	30/04/2005	Thái	GDMN A	2023-2027
34	2352010041	Nguyễn Thị Trang	09/07/2005	Tày	GDMN A	2023-2027
35	2352010062	Chu Khuê De	05/09/2005	Hà Nhì	GDMN B	2023-2027
36	2352010063	Lý Tế De	12/04/2005	Hà Nhì	GDMN B	2023-2027
37	2352010201	Lò Thu Hiền	10/09/2005	Thái	GDMN B	2023-2027
38	2352010079	Tổng Thị Lý	22/08/2005	Thái	GDMN B	2023-2027
39	2352010275	Hà Thị Nhung	20/04/2005	Tày	GDMN B	2023-2027
40	2352010092	Nguyễn Hồng Nhung	06/03/2005	Tày	GDMN B	2023-2027
41	2352010093	Lý Lóng Nu	03/02/2005	Hà Nhì	GDMN B	2023-2027
42	2352010106	Pờ Ha Sừ	14/04/2004	Hà Nhì	GDMN B	2023-2027
43	2352010117	Đinh Thị Thức	10/04/2005	Mường	GDMN B	2023-2027
44	2352010111	Lê Thị Hương Trà	11/12/2005	Tày	GDMN B	2023-2027
45	2352010129	Hoàng Thị Ngọc Huyền	01/01/2005	Cao Lan	GDMN C	2023-2027
46	2352010132	Lý Pó Lan	02/09/2005	Hà Nhì	GDMN C	2023-2027
47	2352010137	Triệu Thị Hương Ly	02/01/2005	Mông	GDMN C	2023-2027
48	2352010144	Bùi Tuyết Nhi	30/04/2003	Mường	GDMN C	2023-2027
49	2352010146	Lý Hồng Như	12/09/2005	Dao	GDMN C	2023-2027
50	2352010151	Vàng Thị Sinh	05/06/2005	Mông	GDMN C	2023-2027
51	2352010164	Trần Thị Bích Việt	02/05/2005	Tày	GDMN C	2023-2027
52	2352010177	Lý Thị Vừ	19/12/2005	Mông	GDMN C	2023-2027
53	2352010166	Vàng Mì Xa	06/04/2005	Hà Nhì	GDMN C	2023-2027
54	2352010167	Mạ Khò Xó	12/07/2005	Hà Nhì	GDMN C	2023-2027
55	2352010168	Bản Phương Yên	24/09/2004	Dao tiền	GDMN C	2023-2027
56	2352010109	Đinh Thủy Tiên	26/12/2005	Mường	GDMN D	2023-2027
57	2352010236	Khoàng Thanh Hoa	03/04/2005	Hà Nhì	GDMN D	2023-2027
58	2352010183	Hoàng Thị Bài	30/09/2005	Mông	GDMN D	2023-2027
59	2352010220	Hoàng Thị Nguyệt	06/01/2002	Nùng	GDMN D	2023-2027
60	2352010292	Thào Thị Lìa	20/12/2005	Mông	GDMN D	2023-2027
61	2352010211	Vương Thị Liên	29/08/2005	Tày	GDMN D	2023-2027
62	2352010172	Hà Kiều Vy	06/08/2005	Tày	GDMN E	2023-2027

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Khóa
63	2352010271	Và Thị Xuân Nghi	10/03/2005	Mông	GDMN E	2023-2027
64	2352010295	Quan Thị Minh Lý	02/09/2002	Tày	GDMN E	2023-2027
65	2352010278	Vàng Lý Phương	02/04/2005	Hà Nhì	GDMN E	2023-2027
66	2352010265	Bùi Thị Minh	13/10/2005	Mường	GDMN E	2023-2027
67	2352010247	Vì Thị Diệp	21/01/2005	Thái	GDMN E	2023-2027
68	2352010252	Tô Thị Thanh Hoa	20/02/2005	Tày	GDMN E	2023-2027
69	2352010286	Lò Thị Nhi	26/02/2005	Thái	GDMN E	2023-2027
70	2352010288	Khoảng Xó Pứ	28/12/2005	Hà Nhì	GDMN E	2023-2027
71	2352010284	Thào Thị Mỷ	03/07/2005	Mông	GDMN E	2023-2027
72	2352010257	Lầu Khánh Linh	26/10/2005	Mông	GDMN E	2023-2027
73	2312010026	Lý Chúy De	20/04/2005	Hà Nhì	Cao đẳng MN	2023-2026
74	2312010030	Hoàng Thị Duyên	12/02/2005	Nùng	Cao đẳng MN	2023-2026
75	2312010007	Nông Thị Hoài	21/05/2005	Tày	Cao đẳng MN	2023-2026
76	2312010029	Triệu Thị Liên	25/07/2004	Nùng	Cao đẳng MN	2023-2026
77	2312010017	Sùng Ly Phương	06/03/2005	Hà Nhì	Cao đẳng MN	2023-2026
78	2312010038	Sùng Thị Mai	01/10/2005	Mông	Cao đẳng MN	2023-2026
79	2452010027	Xa Thị Ngân	04/01/2006	Tày	GDMN A	2024-2028
80	2452010026	Sùng Thị Mai	30/08/2006	Mông	GDMN A	2024-2028
81	2452010017	Hoàng Thị Bích Huệ	24/01/2006	Tày	GDMN A	2024-2028
82	2452010259	Mông Thị Tâm	11/03/2006	Tày	GDMN A	2024-2028
83	2452010255	Ma Thị Dung	30/08/2006	Tày	GDMN A	2024-2028
84	2452010002	Sùng Thị Chá	04/04/2006	Mông	GDMN A	2024-2028
85	2452010022	Đieu Chính Lâm	10/03/2005	Thái	GDMN A	2024-2028
86	2452010010	Sùng Thị Di	01/10/2006	Mông	GDMN A	2024-2028
87	2452010262	Ma Thị Ngọc Anh	24/08/2006	Tày	GDMN B	2024-2028
88	2452010266	Bàn Thị Lan	07/02/2006	Dao	GDMN B	2024-2028
89	2452010060	Hà Diệu Linh	20/05/2006	Tày	GDMN B	2024-2028
90	2452010067	Hà Thị Nhân	19/05/2006	Thái	GDMN B	2024-2028
91	2452010268	Lý Hồng Nhung	02/01/2006	Dao	GDMN B	2024-2028
92	2452010082	Lò Thị Thúy	08/02/2006	Lào	GDMN B	2024-2028
93	2452010083	Ma Thị Thúy	02/10/2006	Tày	GDMN B	2024-2028
94	2452010086	Tường Như Trang	17/11/2006	Thái	GDMN B	2024-2028
95	2452010092	Đinh Thị Hồng Vy	08/02/2006	Mường	GDMN B	2024-2028
96	2452010270	Vàng Thị Xinh	12/10/2006	Mông	GDMN B	2024-2028

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Khóa
97	2452010272	Phạm Ngọc Huyền	29/01/2006	Mường	GDMN C	2024-2028
98	2452010181	Chu Minh Phương	09/11/2006	Hà Nhì	GDMN D	2024-2028
99	2452010154	Lý Truy De	17/10/2006	Hà Nhì	GDMN D	2024-2028
100	2452010200	Nguyễn Thị Hải Yến	15/05/2006	Tày	GDMN D	2024-2028
101	2452010170	Khoàng Hà Lớ	26/03/2005	Hà Nhì	GDMN D	2024-2028
102	2452010178	Pờ Hồng Nhung	10/08/2005	Hà Nhì	GDMN D	2024-2028
103	2452010184	Nông Thị Phụng	01/06/2006	Tày	GDMN D	2024-2028
104	2452010247	Nguyễn Lê Quyên	11/09/2006	Tày	GDMN E	2024-2028
105	2452010224	Phan Thị Thu Hương	16/08/2006	Tày	GDMN E	2024-2028
106	2412010005	Lê Quỳnh Châm	13/03/2006	Tày	CĐMN	2024-2027
107	2412010008	Hà Thị Kim Chi	20/11/2006	Tày	CĐMN	2024-2027
108	2412010021	Lò Thị Hoa	10/01/2003	Thái	CĐMN	2024-2027
109	2412010025	Triệu Thị Thuý Hồng	25/12/2006	Tày	CĐMN	2024-2027
110	2412010050	Lò Kim Nhung	20/10/2006	Thái	CĐMN	2024-2027
111	2412010043	Pờ Ha Mư	01/02/2000	Hà Nhì	CĐMN	2024-2027
112	2412010056	Vừ Thị Sinh	01/05/2006	Mông	CĐMN	2024-2027
113	2412010088	Ma Thị Tin	21/06/2005	Tày	CĐMN	2024-2027
114	2412010042	Chu Mụ Mư	02/08/2004	Hà Nhì	CĐMN	2024-2027
115	2412010037	La Thị Ly	16/08/2005	Tày	CĐMN	2024-2027
116	2412010092	Lò Thị Mai Thắm	10/09/2006	Thái	CĐMN	2024-2027
117	2412010061	Lò Thị Thiết	17/02/2006	Thái	CĐMN	2024-2027
118	2152020034	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	08/11/2003	Tày	GDTH A	2021-2025
119	2152020015	Ma Thu Hoài	05/06/2003	Tày	GDTH A	2021-2025
120	2152020025	Ma Thị Ngọc Mai	30/11/2003	Tày	GDTH A	2021-2025
121	2152020042	Nguyễn Bảo Thoa	14/02/2003	Tày	GDTH A	2021-2025
122	2152020056	Vũ Triệu Tiềm Vi	04/12/2003	Tày	GDTH A	2021-2025
123	2152020050	Hà Thị Hoài Thương	17/09/2003	Tày	GDTH A	2021-2025
124	2152020108	Triệu Minh Phương	15/04/2003	Nùng	GDTH B	2021-2025
125	2152020075	Triệu Trung Dũng	12/11/2003	Tày	GDTH B	2021-2025
126	2152020099	Hoàng Hương Loan	07/11/2003	Tày	GDTH B	2021-2025
127	2152020114	Nguyễn Quốc Toàn	15/01/2003	Tày	GDTH B	2021-2025
128	2152020153	Vũ Lương Huyền Lê	18/01/2002	Tày	GDTH C	2021-2025
129	2152020150	Ma Thị Ngọc Lan	21/11/2003	Tày	GDTH C	2021-2025
130	2152020181	Lương Thị Vân	10/10/2003	Tày	GDTH C	2021-2025

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Khóa
131	2152020177	Quân Đức Tuấn	13/12/2003	Tày	GDTH C	2021-2025
132	2152020190	Hoàng Thanh Huyền	21/02/2003	Tày	GDTH D	2021-2025
133	2152020196	Ma Diệu Linh	03/07/2003	Tày	GDTH D	2021-2025
134	2152020218	Nguyễn Phương Nhung	05/03/2003	Tày	GDTH D	2021-2025
135	2152020301	Quan Thị Uyên	20/01/2001	Tày	GDTH E	2021-2025
136	2152020272	Hoàng Thị Hương	23/05/2003	Mông	GDTH E	2021-2025
137	2152020290	Nguyễn Việt Tiến	10/01/2003	Tày	GDTH E	2021-2025
138	2152020260	Lương Hồng Hạ	01/11/2002	Tày	GDTH E	2021-2025
139	2252020026	Ma Thị Loàn	30/01/2004	Tày	GDTH A	2022-2026
140	2252020057	Nông Thị Hường	14/01/2004	Nùng	GDTH A	2022-2026
141	2252020028	Hoàng Thị Thanh Ngọc	20/10/2004	Tày	GDTH A	2022-2026
142	2252020023	Nguyễn Hải Lê	20/01/2004	Tày	GDTH A	2022-2026
143	2152020124	Hoàng Hải Đăng	24/04/2003	Tày	GDTH A	2022-2026
144	2252020100	Nguyễn T. Hương Trúc	03/11/2004	Tày	GDTH B	2022-2026
145	2252020062	Bế Thị Tam Bảo	17/05/2004	Tày	GDTH B	2022-2026
146	2252020096	Lương Việt Thắng	12/08/2004	Tày	GDTH B	2022-2026
147	2252020082	Ngô Thị Nga	10/04/2004	Mông	GDTH B	2022-2026
148	2252020073	Lương Thị Huyền	02/03/2004	Tày	GDTH B	2022-2026
149	2252020075	Vừ A Ký	10/02/2003	Mông	GDTH B	2022-2026
150	2252020165	Viên Thị Thu Uyên	04/04/2004	Tày	GDTH C	2022-2026
151	2252020163	Hoàng Thị Túc	30/03/2004	Tày	GDTH C	2022-2026
152	2252020081	Triệu Ngọc Nam	14/02/2004	Dao	GDTH C	2022-2026
153	2252020164	Dương Thị Thu Trà	12/01/2004	Dao	GDTH C	2022-2026
154	2252020232	Nguyễn Hồng Linh	27/12/2004	Tày	GDTH D	2022-2026
155	2252020235	Nguyễn Thùy Linh	26/10/2004	Sán Dìu	GDTH D	2022-2026
156	22520202185	Ma Văn Đông	01/02/2003	Mông	GDTH D	2022-2026
157	2252020294	Phàn Mùi Sâu	24/08/2004	Dao	GDTH E	2022-2026
158	2252020291	Lộc Thị Phương Linh	29/02/2004	Tày	GDTH E	2022-2026
159	2252020251	Nguyễn Thị Hoài Hậu	13/06/2004	Tày	GDTH E	2022-2026
160	2252020289	La Thị Hứa	16/05/2004	Tày	GDTH E	2022-2026
161	2252020242	Châu Phương Bắc	30/06/2004	Tày	GDTH E	2022-2026
162	2252020282	Chúc Thị Thanh Thủy	23/11/2004	Dao	GDTH E	2022-2026
163	2252020244	Nguyễn Ngọc Dũng	26/02/2004	Tày	GDTH E	2022-2026
164	2252020264	Nông Văn Minh	26/03/2004	Tày	GDTH E	2022-2026

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Khóa
165	2252020320	Hoàng Thị Hoa	16/12/2004	Mông	GDTH F	2022-2026
166	2252020340	Phùng Thị Tiên	18/08/2004	Dao	GDTH F	2022-2026
167	2252020391	Hầu Thị Bích	10/04/2003	Mông	GDTH F	2022-2026
168	2352020003	Dương Thị Ánh	02/01/2005	Tày	GDTH A	2023-2027
169	2352020054	Triệu Mai Anh	28/08/2005	Dao	GDTH A	2023-2027
170	2352020049	Nông Ngọc Tú	15/02/2000	Tày	GDTH A	2023-2027
171	2352020034	Ma Thị Lâm	29/12/2005	Tày	GDTH A	2023-2027
172	2352020117	Lò Thị Chi	25/07/2005	Khơ Mú	GDTH B	2023-2027
173	2352020111	Đặng Thị Thanh Giang	03/06/2004	Dao	GDTH B	2023-2027
174	2352020088	Đinh Thị Thu Ly	06/09/2005	Mường	GDTH B	2023-2027
175	2352020089	Hồ Hồng Mai	23/05/2005	Hoa	GDTH B	2023-2027
176	2352020105	Lương Thị Kim Tuyền	31/01/2005	Tày	GDTH B	2023-2027
177	2352020143	Ma Văn Luân	17/10/2005	Tày	GDTH C	2023-2027
178	2252020086	Lò Mạnh Nhớ	22/02/2005	Mông	GDTH C	2023-2027
179	2352020135	Bàn Văn Kết	07/04/2005	Dao	GDTH C	2023-2027
180	2352020154	Hoàng Thị Nhi	03/08/2005	Tày	GDTH C	2023-2027
181	2352020354	Hà Ánh Tuyết	11/09/2005	Tày	GDTH C	2023-2027
182	2352020149	Vì Thị Mai	03/02/2005	Tày	GDTH C	2023-2027
183	2352020212	Hứa Thị Quyên	11/03/2005	Tày	GDTH D	2023-2027
184	2352020203	Mã Thị Nhã	06/05/2005	Tày	GDTH D	2023-2027
185	2352020234	Hoàng Thị Thơm	26/03/2004	Nùng	GDTH D	2023-2027
186	2352020208	Lò Mùi Phái	25/09/2005	Dao	GDTH D	2023-2027
187	2352020192	Lương Thùy Linh	29/05/2005	Tày	GDTH D	2023-2027
188	2352020222	Triệu Phương Uyên	20/08/2005	Tày	GDTH D	2023-2027
189	2352020201	Hà Thị Thanh Ngân	19/01/2005	Tày	GDTH D	2023-2027
190	2352020269	Tòng Văn Lâm Sung	24/03/2004	Thái	GDTH E	2023-2027
191	2352020257	Lò Thị Mai	19/10/2005	Thái	GDTH E	2023-2027
192	2352020108	Hoàng Thị Chuyên	21/02/2005	Tày	GDTH E	2023-2027
193	2352020209	Chèo Quai Phu	08/06/2005	Dao	GDTH F	2023-2027
194	2352020316	Nông Đức Mạnh	08/06/2005	Tày	GDTH F	2023-2027
195	2352020323	Nguyễn Hoài Thu	19/01/2005	Tày	GDTH F	2023-2027
196	2352020163	Triệu Hoài Thu	16/04/2005	Dao	GDTH F	2023-2027
197	2352020330	Hoàng Văn Thường	17/09/2005	Mông	GDTH F	2023-2027
198	2352020331	Nông Đình Thức	15/02/2005	Tày	GDTH F	2023-2027

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Khóa
199	2352020344	Khoảng Thị Xuân	01/10/2005	Thái	GDTH F	2023-2027
200	2352020345	Bùi Thị Yêu	20/06/2005	Mường	GDTH F	2023-2027
201	2452020015	Ma Thị Kim Dương	23/10/2006	Tày	GDTH A	2024-2028
202	2452020036	Đặng Thuỳ Linh	27/10/2006	Dao	GDTH A	2024-2028
203	2452020049	Lò Thị Nhung	11/05/2006	Thái	GDTH A	2024-2028
204	2452020027	Mai Thị Lan Hương	10/01/2006	Tày	GDTH A	2024-2028
205	2452020102	Bàn Thúy Vân	25/04/2006	Dao	GDTH B	2024-2028
206	2452020060	Giàng Thị Bồng	20/09/2006	Mông	GDTH B	2024-2028
207	2452020086	Phạm Hoài Linh	17/08/2006	Tày	GDTH B	2024-2028
208	2452020087	Nông Thị Loan	19/02/2006	Nùng	GDTH B	2024-2028
209	2452020063	Hoàng Văn Chín	09/07/2005	Mông	GDTH B	2024-2028
210	2452020066	Lô Hà Duẩn	14/05/2006	Tày	GDTH B	2024-2028
211	2452020062	Triệu Ngọc Chi	08/02/2004	Tày	GDTH B	2024-2028
212	2452020092	Chu Thị Hồng Nhung	28/07/2006	Tày	GDTH B	2024-2028
213	2452020077	Đặng Minh Hương	05/10/2006	Dao	GDTH B	2024-2028
214	2452020068	Lộc Ánh Hằng	21/01/2006	Tày	GDTH B	2024-2028
215	2452020107	Hoàng Kim Xuyên	03/08/2006	Tày	GDTH B	2024-2028
216	2452020116	Bùi Thị Quỳnh Hiếu	18/06/2006	Mường	GDTH C	2024-2028
217	2452020330	Vì Thị Hải Yến	26/04/2006	Thái	GDTH C	2024-2028
218	2452020328	Lành Thị Thu Hiền	21/08/2006	Tày	GDTH C	2024-2028
219	2452020390	Phùng Thị Mai	28/03/2006	Dao	GDTH C	2024-2028
220	2452020110	Vàng Mí Cáy	14/05/2006	Mông	GDTH C	2024-2028
221	2452020174	Nguyễn Thị Hoà	05/01/2006	Tày	GDTH D	2024-2028
222	2452020183	Đèo Thị Ngọc Nhi	01/10/2006	Thái	GDTH D	2024-2028
223	2452020178	Quan Thị Khánh Linh	17/10/2006	Tày	GDTH D	2024-2028
224	2452020187	Hoàng Như Quỳnh	06/02/2006	Tày	GDTH D	2024-2028
225	2542020191	Ma Thị Thanh Tâm	16/04/2005	Tày	GDTH D	2024-2028
226	2452020240	Vì Thị Nhung	20/10/2006	Thái	GDTH E	2024-2028
227	2452020221	Tòng Văn Đức	04/01/2006	Thái	GDTH E	2024-2028
228	2452020220	Đào Quốc Dũng	16/10/2006	Tày	GDTH E	2024-2028
229	2452020253	Lò Văn Thúy	20/10/2004	Thái	GDTH E	2024-2028
230	2452020219	Lý Bích Diệp	07/07/2006	Dao	GDTH E	2024-2028
231	2452020223	Mùi Thị Hiền	19/01/2006	Mường	GDTH E	2024-2028
232	2452020297	Nguyễn Thị Ngà	04/11/2006	Tày	GDTH F	2024-2028

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Khóa
233	2452020312	Nguyễn Thu Thủy	20/01/2006	Tày	GDTH F	2024-2028
234	2452020308	Hà Phương Thảo	09/10/2006	Tày	GDTH F	2024-2028
235	2252090036	Chu Minh Hoa	25/05/2004	Hà Nhì	SP Toán	2022-2026
236	2252090032	Nguyễn Thị Kim Chi	12/01/2004	Tày	SP Toán	2022-2026
237	2252090027	Hoàng Thị Kiều Trang	13/12/2004	Tày	SP Toán	2022-2026
238	2352090005	Lò Duy Bảo	11/04/2005	Thái	SP Toán A	2023-2027
239	2352090014	Hứa Duyên Hải	20/05/2004	Tày	SP Toán A	2023-2027
240	2352090056	Hoàng Thị Nga	06/09/2005	Cao Lan	SP Toán B	2023-2027
241	2352090049	Vàng Thị Hương	21/01/2005	Thái	SP Toán B	2023-2027
242	2452090050	Châu Trung Uý	23/09/2006	Tày	SP Toán	2024-2028
243	2452090033	Quảng Thị Như Nguyệt	07/12/2006	Thái	SP Toán	2024-2028
244	2252170011	Ma Thị Hòa	21/08/2004	Tày	SPNV	2022-2026
245	2252170028	Ma Văn Thành	03/04/2004	Tày	SPNV	2022-2026
246	2251170031	Nguyễn Thị Thảo	25/11/2004	Tày	SPNV	2022-2026
247	2352170030	Lý Trần Anh Quốc	10/07/2005	Dao	SPNV	2023-2027
248	2352170010	Nguyễn Vi Hoàng	04/03/2005	Tày	SPNV	2023-2027
249	2352170012	Lê Thị Thu Huyền	13/11/2005	Tày	SPNV	2023-2027
250	2452170010	Ma Thị Hương Giang	10/02/2006	Tày	SPNV	2024-2028
251	2452170047	Đặng Hoàng Minh Thư	30/06/2006	Dao	SPNV	2024-2028
252	2452170013	Trương Diệu Hà	11/11/2006	Dao	SPNV	2024-2028
253	2452170055	Ma Thị Tường Vy	22/07/2006	Tày	SPNV	2024-2028
254	2452170051	Hà Thị Kim Tuyết	29/12/2006	Thái	SPNV	2024-2028
255	2352470013	Hoàng Hải Huyền	28/05/2005	Tày	KHTN	2023-2027
256	2352470005	Nông Thị Kim Thu	26/02/2005	Tày	KHTN	2023-2027
257	2352470014	Đặng Minh Khôi	21/03/2005	Dao	KHTN	2023-2027
258	2452470004	Quan Hùng Cường	10/02/2006	Tày	KHTN	2024-2028
259	2452470018	Lý Kim Loan	26/12/2005	Hà Nhì	KHTN	2024-2028
260	2253010029	Ma Thị Thu Hàng	02/01/2004	Tày	Kế toán	2022-2026
261	2353010025	Dương Hồng Ánh	30/08/2004	Tày	Kế toán	2023-2027
262	2453010066	Triệu Văn Thanh	26/02/2006	Dao	Kế toán A	2024-2028
263	2452170047	Chúc Văn Trường	20/06/2006	Dao	Kế toán A	2024-2028
264	2453010065	Hoàng Thị Sơn	27/12/2006	Nùng	Kế toán B	2024-2028
265	2453010087	Bàn Phúc Minh	20/03/2006	Dao	Kế toán B	2024-2028
266	2154800004	Trần Linh Chi	22/12/2003	Tày	CNTT	2021-2025

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Khóa
267	2154800047	Lý Văn Thành	29/01/1998	Mông	CNTT	2021-2025
268	2154800051	Châu Văn Tuấn	27/05/2003	Tày	CNTT	2021-2025
269	2254800058	Nguyễn Văn Trung	16/12/2004	Tày	CNTT	2022-2026
270	2354800052	Nguyễn Vĩnh Hưng	12/03/2005	Tày	CNTT	2023-2027
271	2354800036	Hoàng Văn Tài	02/11/2005	Tày	CNTT	2023-2027
272	2354800032	Lê Hoàng Phong	24/08/2005	Tày	CNTT	2023-2027
273	2454800014	Bùi Văn Cương	05/08/2006	Tày	CNTT	2024-2028
274	2454800067	Hoàng Triệu Thái	19/02/2006	Nùng	CNTT	2024-2028
275	2454800037	Ma Trọng Hưng	20/10/2006	Tày	CNTT	2024-2028
276	2454800036	Hoàng Quốc Hưng	11/11/2006	Cao Lan	CNTT	2024-2028
277	2454800061	Nông Văn Quân	19/12/2006	Tày	CNTT	2024-2028
278	2454800030	Tô Thị Huế	07/02/2005	Cao Lan	CNTT	2024-2028
279	2157200057	Ma Thị Hồng Thắm	24/11/2003	Tày	Điều dưỡng A	2021-2025
280	2157200022	Hà Thị Thu Hiền	12/01/2003	Tày	Điều dưỡng A	2021-2025
281	2157200019	Lèo Thị Hằng	18/05/2003	Tày	Điều dưỡng A	2021-2025
282	2157200015	Hoàng Tổ Hải	19/10/2002	Tày	Điều dưỡng A	2021-2025
283	2157200003	Hoàng Thị Ngọc Ánh	08/11/2003	Tày	Điều dưỡng A	2021-2025
284	2157200076	Hứa Văn Khanh	06/01/2002	Tày	Điều dưỡng B	2021-2025
285	2257200004	Châu Thị Diễm	12/10/2001	Tày	Điều dưỡng	2022-2026
286	2257200039	Nguyễn Thị Bích Duyệt	05/10/2004	Tày	Điều dưỡng	2022-2026
287	2257200006	La Thành Đạt	18/10/2004	Tày	Điều dưỡng	2022-2026
288	2257200027	Vũ Như Quỳnh	02/02/2004	Tày	Điều dưỡng	2022-2026
289	2357200002	Hoàng Thị Vân Anh	19/08/2005	Tày	Điều dưỡng	2023-2027
290	2357200009	Ma Thị Nhật Lệ	29/06/2005	Tày	Điều dưỡng	2023-2027
291	2457200001	Bàn Thị Ngọc Ánh	20/10/2006	Dao	Điều dưỡng A	2024-2028
292	2457200044	Triệu Thị Tuyên	18/12/2005	Dao	Điều dưỡng A	2024-2028
293	2457200027	Thào Hoa Mây	27/04/2006	Mông	Điều dưỡng A	2024-2028
294	2457200009	Nguyễn Hồng Dương	02/04/2006	Tày	Điều dưỡng A	2024-2028
295	2457200007	Ma Thị Diễm	10/06/2006	Tày	Điều dưỡng A	2024-2028
296	2457200014	Ma Thị Hà	06/06/2006	Tày	Điều dưỡng A	2024-2028
297	2457200039	Quan Thị Thơm	16/09/2006	Tày	Điều dưỡng A	2024-2028
298	2457200091	Triệu Thị Thùy Trang	17/12/2006	Dao	Điều dưỡng B	2024-2028
299	2357720004	Thào A Hùng	05/01/2005	Mông	ĐH Dược	2023-2028
300	2253420002	Nguyễn Văn Bình	11/08/2004	Tày	QLVH	2022-2026

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Khóa
301	2253420005	Cư Văn Khánh	17/05/2003	Mông	QLVH	2022-2026
302	2353420012	Hoàng Ngọc Hiệu	09/06/2005	Tày	QLVH	2023-2027
303	2353420010	Hà Hải Yến	23/04/2004	Tày	QLVH	2023-2027
304	2353420007	Phùng Minh Quân	21/03/2005	Dao	QLVH	2023-2027
305	2453420028	Hoàng Long Vũ	15/02/2006	Tày	QLVH	2024-2028
306	2453420012	Đặng Quang Huy	22/08/2006	Dao	QLVH	2024-2028
307	2251030008	Hỏa Thị Thu Viễn	07/12/2003	Tày	QTDVDL&LH	2022-2026
308	2351030007	Sùng A Minh	20/06/2005	Mông	QTDVDL&LH	2023-2027
309	2351030024	Lý Thị So	25/02/2005	Mông	QTDVDL&LH	2023-2027
310	2451030023	Nguyễn Thị Ngôi	10/04/2006	Tày	QTDVDL&LH	2024-2028
311	2151010001	Mã Văn Dưỡng	11/03/2003	Tày	CTXH	2021-2025
312	2251050005	Lưu Thu Thảo	28/01/2002	Tày	CTXH	2022-2026
313	2251010009	Lê Văn Tài	26/02/2004	Tày	CTXH	2022-2026
314	2251010004	Sùng A Giả	18/07/2004	Mông	CTXH	2022-2026
315	2251010006	Nguyễn Thu Hằng	02/01/2003	Tày	CTXH	2022-2026
316	2351010012	Lường Phương Đông	01/08/2005	Thái	CTXH	2023-2027
317	2351010011	Nông Thành Tuấn	10/09/2004	Tày	CTXH	2023-2027
318	2351010005	Hoàng Trung Hiếu	29/08/2005	Tày	CTXH	2023-2027
319	2451010031	Lương Mạnh Tuấn	14/02/2006	Tày	CTXH	2024-2028
320	2451010024	Nguyễn Thị Phương	22/01/2004	Tày	CTXH	2024-2028
321	2451010028	Ma Thành Thạo	20/08/2006	Tày	CTXH	2024-2028
322	2257310002	Nguyễn Thị Kim Liên	30/01/2004	Tày	Chính trị học	2022-2026

(Ấn định danh sách gồm có 322 sinh viên)